

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thế Anh

2. Ông Đỗ Văn Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Nhàn- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Đức T; nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Đức T ngày 12 tháng 10 năm 2016 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn chị và anh T thuê nhà tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ở đến tháng 8 năm 2020 thì chuyển về cư trú tại Tổ dân phố 3, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng

chung sống vui vẻ hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, về nhà đánh đập chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị và anh T tuy chung sống một nhà nhưng đã ly thân, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đức T.

Về con chung: Chị và anh Trần Đức T có hai con chung là Trần Minh A, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2017 và Trần Nhật M, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2021. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/con/tháng nhưng tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị T rút yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Phan Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 8 năm 2022 bị đơn anh Trần Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng như lời khai chị T đã trình bày ở trên. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, hiện nay vợ chồng anh đã sống ly thân không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với nhau nữa. Nay chị Phan Thị T khởi kiện ly hôn, anh đồng ý vì mâu thuẫn của vợ chồng không thể khắc phục đoàn tụ được.

Về con chung: Chị và anh Trần Đức T có hai con chung như chị T trình bày. Nay anh đồng ý quan điểm của chị T đưa ra, anh T đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Trần Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn về cơ bản đã chấp hành các quy định tại các điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị T

được ly hôn anh Trần Đức T. Về con chung: Giao hai con chung Trần Minh A, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2017 và Trần Nhật M, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2021 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Đình chỉ xét xử yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Phan Thị T đối với anh Trần Đức T; Về tài sản chung: Không giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phan Thị T khởi kiện ly hôn với anh Trần Đức T, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trần Đức T hiện đang cư trú tại tổ dân phố 3, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Phan Thị T và bị đơn anh Trần Đức T vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Phan Thị T và anh Trần Đức T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Phan Thị T và anh Trần Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 12 tháng 10 năm 2016, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hiện tại anh chị đã ly thân, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị T và anh Trần Đức T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Phan Thị T và anh Trần Đức T có hai con chung là Trần Minh A, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2017 và Trần Nhật M, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2021. Chị T và anh T đều có quan điểm sau ly hôn đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị Phan Thị T nuôi dưỡng. Xét, quan điểm về việc nuôi con của chị T và anh T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của chị T và anh T về việc nuôi con, giao các con Trần Minh A và Trần Nhật M cho chị Phan Thị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị Phan Thị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/con/tháng nhưng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị T rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét, việc rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của

chị T là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T đối với anh T

[6] Về tài sản chung: Chị Phan Thị T và anh Trần Đức T đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị T được ly hôn anh Trần Đức T.

2. Về con chung: Giao hai con chung Trần Minh A, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2017 và Trần Nhật M, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2021 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ xét xử yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Phan Thị T đối với anh Trần Đức T.

4. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Phan Thị T đã nộp theo Biên lai thu tiền **số 0004216** ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

7. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã K, huyện V, tỉnh Nam Định;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Liên